TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** Bản án số**: 94**/2026/KDTM-ST Ngày 09/7/2026 *V/v "Tranh chấp thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán ".*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Lai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Công Thị Minh Lợi.
2. Bà Chu Thị Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/TLST-KDTM ngày 17/11/2025 về việc "Tranh chấp thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 654/2026/QĐST-KDTM ngày 15/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/QĐST-KDTM ngày 01/7/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại Đ.

Trụ sở: Cụm Công nghiệp L, xã H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ- Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Tuấn A. CCCD: 001092041786 cấp ngày 10/7/2021.

(Giấy ủy quyền số 02/UQ/2024 ngày 15/01/2024).

Bị đơn:

Tổng công ty X- Công ty CP.

Trụ sở: Số 623 đường L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Anh M - Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thế D- Trưởng phòng Pháp chế. CCCD: 034065021220 do Bộ công an cấp ngày 10/3/2025.

(Giấy uỷ quyền số 439/UQ-TCT ngày 25/12/2025).

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Nguyên đơn là Công ty TNHH thương mại Đ, các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Thương mại Đ là đối tác kinh doanh nhiều năm với các đơn vị chi nhánh của Tổng Công ty X– Công ty CP.

-Ngày 04/01/2016, Công ty TNHH Thương mại Đ có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 04.01.2016/HĐNT với Công ty thi công C – Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP để mua bán hàng hóa là các loại vật tư xây dựng để thi công công trình của Công ty thi công C.

Căn cứ vào hợp đồng nguyên tắc nói trên, Công ty TNHH Thương mại Đ đã nhiều lần bán hàng cho Công ty thi công C – Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP và phía Công ty thi công C đã thanh toán cho công ty Công ty TNHH Thương mại Đ làm nhiều lần với phương thức mỗi đơn hàng trả một ít và cứ thế số nợ tăng dần lên. Tính đến ngày 13/02/2018, Công ty thi công C còn nợ phía Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền nợ gốc là: 4.987.449.466 đồng.

Kể từ đó đến thời điểm hiện tại, phía Công ty thi công C không thanh toán bất kỳ số tiền nợ gốc nào nữa. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08/01/2024, Công ty thi công C còn nợ Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền nợ gốc là: 4.987.449.466 đồng. Theo các biên bản tính lãi chậm trả, lãi suất các bên thỏa thuận là 0.67%/tháng tương đương 8.04%/ năm. Tạm tính đến ngày 15/06/2026, số tiền lãi Công ty thi công C còn nợ Công ty TNHH Thương mại Đ: 3.343.818.870 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 15/06/2026) Công ty thi công C còn nợ Công ty TNHH Thương mại Đ: 8.126.823.709 đồng.

-Ngày 04/01/2016, Công ty TNHH Thương mại Đ có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 với Xí nghiệp cầu A – C1 Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP để mua bán các loại thép xây dựng. Căn cứ vào hợp đồng mua bán nói trên, Công ty TNHH Thương mại Đ đã nhiều lần bán hàng cho Xí nghiệp cầu A – C1 Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP và phía Xí nghiệp cầu A đã thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Đ làm nhiều lần với phương thức mỗi đơn hàng trả một ít và cứ thế số nợ tăng dần lên. Tính đến ngày 24/02/2020, phía Xí nghiệp cầu A còn nợ Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền nợ gốc: 15.804.645.526 đồng.

Kể từ đó đến thời điểm hiện tại, Xí nghiệp cầu A không thanh toán bất kỳ số tiền nợ gốc nào nữa. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/12/2023, Xí nghiệp cầu A còn nợ Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền nợ gốc là: 15.804.645.526 đồng. Theo các biên bản tính lãi chậm trả, lãi suất các bên thỏa thuận là 0.67%/tháng tương đương 8.04%/ năm. Tạm tính đến ngày 15/06/2026, số tiền lãi mà Xí nghiệp cầu A còn nợ phía Công ty TNHH Thương mại Đ: 8.015.958.164 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 15/06/2026) mà Xí nghiệp cầu A còn nợ phía Công ty TNHH Thương mại Đ: 23.168.834.673 đồng.

-Ngày 03/01/2017, Công ty TNHH Thương mại Đ có ký Hợp đồng nguyên tắc số: 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 với Xí nghiệp cầu B – C1 Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP để mua bán các loại thép xây dựng. Căn cứ vào hợp đồng mua bán nói trên, Công ty TNHH Thương mại Đ đã bán cho Xí nghiệp cầu B tổng trị giá đơn hàng là: 490.095.151 đồng. Đến ngày 31/01/2019, phía Xí nghiệp cầu B đã thanh toán lần cuối cùng cho Công ty TNHH Thương mại Đ và còn lại số nợ gốc là: 290.095.151 đồng.

Kể từ đó đến thời điểm hiện tại, phía Xí nghiệp cầu A không thanh toán bất kỳ số tiền nợ gốc nào nữa. Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/01/2022, Xí nghiệp cầu B còn nợ Công ty TNHH Thương mại Đ số nợ gốc là: 290.095.151

đồng. Lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng là mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Công Thương quy định tại thời điểm quá hạn là 0.8%/tháng tương đương 8.6%/năm. Tạm tính đến ngày 15/06/2026, số tiền lãi mà Xí nghiệp cầu A còn nợ phía Công ty TNHH Thương mại Đ: 205.310.008 đồng. Tổng số tiền nợ gốc và lãi (tạm tính đến ngày 15/06/2026) mà Xí nghiệp cầu B còn nợ phía Công ty TNHH Thương mại Đ: 461.378.462 đồng.

Công ty TNHH Thương mại Đ đã nhiều lần làm việc, yêu cầu các đơn vị trên có trách nhiệm thanh toán khoản nợ. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, các đơn vị của Tổng công ty X – Công ty CP vẫn không đưa ra ý kiến phản hồi và không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theo như đã cam kết cho Công ty TNHH Thương mại Đ theo đúng các quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Công ty TNHH Thương mại Đ kính đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

01) Buộc Tổng công ty X – Công ty CP có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại Đ tổng số tiền (nợ gốc) từ 03 (ba) hợp đồng của các đơn vị Công ty thi công C – Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP; Xí nghiệp cầu A – C1 Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP; Xí nghiệp cầu B – C1 Chi nhánh Tổng công ty X – Công ty CP là: 21.082.190.143 đồng.

02) Buộc Tổng công ty X – Công ty CP phải thanh toán số tiền lãi chậm trả cho Công ty TNHH Thương mại Đ với số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/7/2026) là: 17.294.743.584đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH Thương mại Đ đề nghị Toà án buộc Tổng công ty X – Công ty CP phải trả cho Công ty Đ cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/7/2026 là: 38.376.933.727đồng.

Bị đơn Tổng Công ty X – Công ty CP do ông Nguyễn Thế D đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Tổng công ty X- Công ty CP xác nhận còn nợ Công ty TNHH thương mại Đ nợ gốc từ 03 hợp đồng mà các chi nhánh của công ty đã ký với Công ty TNHH thương mại Đ. Tổng số tiền gốc là 21.082.190.143 đồng. Trong đó:

Công ty Thi công C – Chi nhánh Tổng công ty X- Công ty CP (Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT ký ngày 04/01/2016) còn nợ gốc: 4.987.449.466 đồng.

Xí nghiệp Cầu B– C1 Chi nhánh Tổng công ty X- Công ty CP (Hợp đồng nguyên tắc số 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 ký ngày 03/01/2017) còn nợ gốc: 290.095.151đồng.

Xí nghiệp Cầu A– C1 Chi nhánh Tổng công ty X- Công ty CP (Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 ký ngày 04/01/2016) còn nợ gốc: 15.804.645.526 đồng.

Về gốc: Bị đơn xin giảm ½ số nợ gốc.

Về lãi: Bị đơn xin miễn toàn bộ lãi.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả nguyên đơn số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/7/2026) theo 03 hợp đồng:

Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT ngày 04/01/2016.

Nợ gốc là: 4.987.449.466 đồng.

Lãi: 4.112.701.572 đồng.

Hợp đồng nguyên tắc số: 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 ngày 04/01/2016.

Nợ gốc là: 15.804.645.526 đồng.

Lãi: 12.971.935.766 đồng.

Hợp đồng nguyên tắc số 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 ngày 03/01/2017.

Nợ gốc là: 290.095.151 đồng.

Lãi: 210.106.248 đồng.

Tổng cộng nợ của ba hợp đồng bị đơn phải trả nguyên đơn là: 38.376.933.729 đồng. Trong đó:

Gốc: 21.082.190.143 đồng.

Lãi: 17.294.743.586 đồng.

Bị đơn xác nhận còn nợ gốc như nguyên đơn trình bày. Do hiện nay khó khăn về tài chính nên Bị đơn xin được giảm ½ nợ gốc. Về lãi theo thoả thuận trong hợp đồng và trong các biên bản đối chiếu công nợ nhưng bị đơn chưa kiểm tra việc tính lãi, nếu Toà án xét thấy việc tính lãi của nguyên đơn chính xác thì bị đơn xin nguyên đơn cho miễn toàn bộ lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1- Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Đây là tranh chấp phát sinh từ các hợp đồng mua bán hàng hóa giữa Công ty TNHH Thương mại Đ với các đơn vị trực thuộc Tổng công ty X – Công ty CP. Các hợp đồng được các bên giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật, quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao hàng theo thỏa thuận, bị đơn đã nhận hàng, sử dụng hàng hóa và thanh toán một phần giá trị hàng hóa. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đã nhiều lần lập biên bản đối chiếu công nợ, trong đó xác nhận số tiền còn nợ. Bị đơn tại phiên tòa cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 21.082.190.143 đồng. Do đó, có đủ căn cứ xác định bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng và phải có trách nhiệm thanh toán khoản nợ còn thiếu cho nguyên đơn theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật Thương mại.

Đối với yêu cầu thanh toán lãi chậm trả, tại Điều 4 của Hợp đồng đã quy định nghĩa vụ thanh toán lãi trong trường hợp chậm thanh toán. Tại các Bảng tính lãi chậm trả của hai bên, lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại Điều 357 BLDS 2015, Điều 306 Luật Thương Mại về nghĩa vụ trả lãi chậm trả và phù hợp với mức lãi suất của ngân hàng Công thương. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu thanh toán lãi chậm trả của nguyên đơn.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi chậm trả là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo quy định pháp luật.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Công ty TNHH thương mại Đ (sau đây là gọi là nguyên đơn) khởi kiện yêu cầu Tổng công ty X- Công ty CP (sau đây gọi là bị đơn) trả nợ số tiền gốc và lãi phát sinh từ ba Hợp đồng nguyên tắc.

Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn ký kết và thực hiện Hợp đồng nguyên tắc số: 04.01.2016/HĐNT ngày 04/01/2016, Hợp đồng nguyên tắc số: 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 ngày 04/01/2016 và Hợp đồng nguyên tắc số: 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 ngày 03/01/2017 về việc mua bán các loại thép xây dựng.

Hai bên đã nhiều lần đối chiếu công nợ và xác nhận :

Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT ngày 04/01/2016, còn nợ gốc là: 4.987.449.466 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 08/01/2024.

Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 ngày 04/01/2016, còn nợ gốc là: 15.804.645.526 đồng, theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 18/12/2023.

Hợp đồng nguyên tắc số 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 ngày 03/01/2017, còn nợ gốc là: 290.095.151 đồng, theo biên bản đối chiếu công nợ cuối cùng ngày 04/01/2022.

szi Hai

Tổng gốc là 21.082.190.143 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn cũng xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền gốc của ba hợp đồng là 21.082.190.143 đồng và xin giảm ½ số nợ gốc. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý.

Do đó bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 21.082.190.143 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 50 Luật thương mại.

[2]. Đối với yêu cầu trả lãi chậm thanh toán.

Xét thấy, theo quy định Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, *trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác*.

Khi đối chiếu công nợ Nguyên đơn và Bị đơn thỏa thuận lãi chậm trả 0.67%/tháng tương đương 8.04%/ năm đối với Hợp đồng mua bán số: 04.01.2016/HĐNT ngày 04/01/2016 và Hợp đồng mua bán số: 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 ngày 04/01/2016. Đối với Hợp đồng mua bán số: 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 ngày 03/01/2017, lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng là mức lãi suất quá hạn của Ngân hàng Công Thương quy định tại thời điểm quá hạn là 0.8%/tháng tương đương 8.6%/năm.

Nhận thấy mức lãi suất chậm trả hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Bị đơn xin được miễn toàn bộ số nợ lãi. Nguyên đơn không đồng ý.

Nguyên đơn xuất trình bảng chi tiết tính lãi của từng hợp đồng, thời gian chậm trả phù hợp với các biên bản đối chiếu công nợ.

Do đó, bị đơn phải trả nguyên đơn lãi chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/7/2026) là: 17.294.743.586 đồng. Trong đó:

Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT ngày 04/01/2016, lãi: 4.112.701.572 đồng.

Hợp đồng nguyên tắc số 04.01.2016/HĐNT/ĐH-CAU18 ngày 04/01/2016, lãi: 12.971.935.766 đồng.

Hợp đồng nguyên tắc số 03.01.2017/HĐNT/ĐH-C17 ngày 03/01/2017, lãi: 210.106.248đồng.

[3]. szi Hai

Như vậy, tổng số tiền bị đơn phải trả nguyên đơn là: 38.376.933.729 đồng. Trong đó:

Gốc: 21.082.190.143 đồng.

Lãi chậm trả: 17.294.743.586 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa thi hành thì hàng tháng bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành.

[4]. Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[5].Về án phí:

Nguyên đơn không phải chịu án phí, được nhận lại 71.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0030668 ngày 15/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1-Hà Nội).

Bị đơn phải trả nguyên đơn số tiền 38.376.933.729 đồng nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 146.376.934 đồng.

[6].Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 50, 306 của Luật thương mại năm 2005.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại Đ đối với Tổng công ty X- Công ty CP về thanh toán tiền theo hợp đồng mua bán.

Tổng Công ty X- Công ty CP phải thanh toán trả cho Công ty TNHH thương mại Đ số tiền:

Gốc: 21.082.190.143 đồng.

Lãi chậm trả: 17.294.743.586 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Tổng Công ty X- Công ty CP phải chịu án phí kinh doanh thương mại là 146.376.934 đồng.

Công ty TNHH thương mại Đ không phải chịu án phí, được nhận lại 71.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0030668 ngày 15/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 1-Hà Nội).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3, Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Khu vực 1- Hà Nội;
- Phòng THA DS Khu vực 1- Hà Nội
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;V.phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Đồng Thị Lai